

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ YUMI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ YUMI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YUMI VIET NAM SERVICES AND TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: YUMI DTS CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106892085

**3. Ngày thành lập:** 03/07/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 24, BT1, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01632633670

Fax:

Email: [slpoh@yahoo.com](mailto:slpoh@yahoo.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                      | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                   | 1030(Chính)                                                  |
| 2.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                  | 1062                                                         |
| 3.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                  | 1071                                                         |
| 4.  | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                  | 1101                                                         |
| 5.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                        | 1104                                                         |
| 6.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4721                                                         |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4722                                                         |
| 8.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                          | 5610                                                         |
| 9.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);               | 5621                                                         |
| 10. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); | 5629                                                         |
| 11. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                   | 5630                                                         |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                          | 4100                                                         |
| 13. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                             | 4632                                                         |
| 14. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                               | 4633                                                         |
| 15. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                               | 8510                                                         |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quảng cáo bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản          | 6820                                                         |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                         | 7710                                                         |
| 18. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                  | 7721                                                         |
| 19. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                   | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY | Xóm 1, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | 1.500.000.000         | 50,00    | 111462690                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HẠNH      | Xóm 3, thôn An Trai, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | 1.500.000.000         | 50,00    | 001177001481                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 02/10/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111462690

Ngày cấp: 26/01/2011

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Xóm 1, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 9 ngách 324/19, Tổ dân phố số 7, phố Phương Canh, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội